

Số: 79.../CV-TCKT/2021
(V/v: CBTT BCTC năm 2020 đã kiểm toán)

Đà Lạt, ngày 10 tháng 03 năm 2021

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng khoán Hà Nội
- Quý cổ đông

1. Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)**
2. Mã chứng khoán: **LDP.**
3. Địa chỉ trụ sở chính: 18 Ngô Quyền-Phường 6-TP Đà Lạt-Tỉnh Lâm Đồng.
4. Điện thoại: 02633 824167, 02633 824669.
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Võ Duy Đạo – Phó Tổng Giám đốc**
6. Nội dung công bố:
Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ thông tin : **www.ladopharcorp.com**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận :
- Như trên
- Lưu TCKT



Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 33



Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") Số 5800000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 4 tháng 1 năm 2000 và GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 26 ngày 18 tháng 11 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã LDP theo Quyết định Số 604/TB-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất đông dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế; xuất nhập khẩu thuốc và dược liệu.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Xuân Hương	giữ chức vụ Chủ tịch từ ngày 12 tháng 2 năm 2020
Ông Võ Bình	giữ chức vụ Phó chủ tịch từ ngày 6 tháng 7 năm 2020
Bà Vũ Thu Mười	bổ nhiệm Thành viên từ ngày 10 tháng 2 năm 2020
Ông Nguyễn Minh Thắng	giữ chức vụ Chủ tịch đến ngày 12 tháng 2 năm 2020
Bà Nguyễn Hoài Thùy Dung	giữ chức vụ Phó chủ tịch đến ngày 6 tháng 7 năm 2020
Ông Trịnh Văn Bảo	bổ nhiệm Thành viên từ ngày 10 tháng 2 năm 2020
Ông Phạm Văn Khoa	miễn nhiệm Thành viên từ ngày 10 tháng 2 năm 2020

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Ái	giữ chức vụ Trưởng ban từ ngày 11 tháng 2 năm 2020
Ông Vũ Lê Cương	bổ nhiệm Thành viên từ ngày 10 tháng 2 năm 2020
Bà Bùi Thị Thanh Hòa	bổ nhiệm Thành viên từ ngày 10 tháng 2 năm 2020
Bà Phạm Thị Hồng Hương	miễn nhiệm Thành viên và vị trí Trưởng ban từ ngày 10 tháng 2 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	miễn nhiệm Thành viên từ ngày 10 tháng 2 năm 2020

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Huỳnh Gia Hoàng	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm từ ngày 11 tháng 11 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Chương	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm từ ngày 6 tháng 7 năm 2020
	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm từ ngày 24 tháng 9 năm 2020
Ông Lê Thiết Bảo	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm từ ngày 12 tháng 2 năm 2020
	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm từ ngày 6 tháng 7 năm 2020
	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 2 năm 2020
Bà Phạm Thị Xuân Hương	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 2 năm 2020
Ông Võ Duy Đạo	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm từ ngày 11 tháng 11 năm 2020
Ông Lê Thế Vũ	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm từ ngày 31 tháng 10 năm 2020
Ông Trịnh Hiền Trung	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm từ ngày 12 tháng 2 năm 2020
	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm từ ngày 25 tháng 7 năm 2020
Ông Trần Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 2 năm 2020
Ông Huỳnh Tăng Phúc Hậu	Giám Đốc Tài Chính	bổ nhiệm từ ngày 24 tháng 9 năm 2020
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Giám Đốc Tài Chính	miễn nhiệm từ ngày 24 tháng 9 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Huỳnh Gia Hoàng	từ ngày 11 tháng 11 năm 2020
Bà Phạm Thị Xuân Hương	từ ngày 24 tháng 9 năm 2020 đến ngày 11 tháng 11 năm 2020
	từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 12 tháng 2 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Chương	từ ngày 6 tháng 7 năm 2020 đến ngày 24 tháng 9 năm 2020
Ông Lê Thiết Bảo	từ ngày 12 tháng 2 năm 2020 đến ngày 6 tháng 7 năm 2020

Ông Võ Duy Đạo được Ông Lê Huỳnh Gia Hoàng ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Giấy Ủy quyền số 490/GUQ_LDP ngày 11 tháng 11 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Võ Duy Đạo
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

Số tham chiếu: 61280354/21920618

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (“Công ty”) được lập ngày 10 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Thị Cẩm Tú
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2266-2018-004-1



Tôn Thiện Bảo Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4177-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		130.076.497.855	178.729.221.478
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	19.162.874.414	28.283.162.369
111	1. Tiền		3.162.874.414	10.283.162.369
112	2. Các khoản tương đương tiền		16.000.000.000	18.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		34.359.744.492	55.225.434.858
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	36.467.702.574	53.292.948.846
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		122.645.400	958.507.190
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	657.906.083	973.978.822
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(2.888.509.565)	-
140	III. Hàng tồn kho	8	76.153.362.360	94.620.636.300
141	1. Hàng tồn kho		76.153.362.360	94.620.636.300
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		400.516.589	599.987.951
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	400.516.589	599.987.951
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		87.530.704.930	106.074.656.706
210	I. Phải thu dài hạn		228.222.940	203.760.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		228.222.940	203.760.000
220	II. Tài sản cố định		79.920.217.075	94.988.285.321
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	75.646.726.347	90.728.235.083
222	Nguyên giá		164.167.553.533	168.159.535.351
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(88.520.827.186)	(77.431.300.268)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	4.273.490.728	4.260.050.238
228	Nguyên giá		6.425.654.000	5.949.554.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.152.163.272)	(1.689.503.762)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	450.393.046	495.389.410
231	1. Nguyên giá		1.124.909.177	1.124.909.177
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(674.516.131)	(629.519.767)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		643.120.000	148.457.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		643.120.000	148.457.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	5.000.000
253	1. Đầu tư vào đơn vị khác		-	5.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.288.751.869	10.233.764.975
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	6.288.751.869	10.233.764.975
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		217.607.202.785	284.803.878.184

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		101.197.722.600	191.126.950.535
310	I. Nợ ngắn hạn		94.244.542.560	175.627.365.926
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	40.233.583.576	59.856.121.212
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		742.667.810	1.603.767.464
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.413.453.510	7.428.255.273
314	4. Phải trả người lao động		2.932.655.229	4.626.268.223
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.599.217.718	9.381.372.883
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	720.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	2.058.581.230	1.251.999.050
320	8. Vay ngắn hạn	17	44.223.087.404	90.679.285.738
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		41.296.083	80.296.083
330	II. Nợ dài hạn		6.953.180.040	15.499.584.609
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	1.880.730.000	2.123.230.000
338	2. Vay dài hạn	17	5.072.450.040	9.980.412.392
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	18	-	3.395.942.217
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		116.409.480.185	93.676.927.649
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	115.509.480.185	92.746.768.931
411	1. Vốn cổ phần		127.031.670.000	78.299.580.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		127.031.670.000	78.299.580.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(320.000)	(320.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.079.988.006	14.079.988.006
421	4. (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(25.601.857.821)	367.520.925
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế (lỗ lũy kế) đến cuối năm trước		367.520.925	(7.579.945.856)
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(25.969.378.746)	7.947.466.781
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		900.000.000	930.158.718
431	1. Nguồn kinh phí		900.000.000	930.158.718
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		217.607.202.785	284.803.878.184

Thủy

Ngọc



Trần Thị Thủy
Người lập

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng

Võ Duy Đạo
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	254.828.262.958	381.316.323.299
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	(2.034.760.705)	(1.652.617.189)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	252.793.502.253	379.663.706.110
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(215.270.218.047)	(303.243.328.779)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.523.284.206	76.420.377.331
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		1.350.301.902	617.900.678
22	7. Chi phí tài chính	22	(6.595.466.836)	(5.988.650.020)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(6.444.386.747)	(5.951.730.552)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(41.487.754.777)	(60.651.708.715)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(19.464.088.029)	(18.246.147.222)
30	10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(28.673.723.534)	(7.848.227.948)
31	11. Thu nhập khác	24	3.297.796.632	19.974.529.827
32	12. Chi phí khác		(553.420.529)	(206.672.330)
40	13. Lợi nhuận khác		2.744.376.103	19.767.857.497
50	14. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(25.929.347.431)	11.919.629.549
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(40.031.315)	(3.972.162.768)
60	16. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(25.969.378.746)	7.947.466.781
70	17. (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.5	(2.826)	1.015
71	18. (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu	19.5	(2.826)	1.015

Thủy

Hiền



Trần Thị Thủy
Người lập

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng

Võ Duy Đạo
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(25.929.347.431)	11.919.629.549
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		12.218.132.549	11.149.946.895
03	Dự phòng		2.888.509.565	-
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(4.762.275)	31.866.482
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(293.029.877)	(22.247.853.934)
06	Chi phí lãi vay	22	6.444.386.747	5.951.730.552
07	Điều chỉnh khác	18	(2.758.135.139)	-
08	(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(7.434.245.861)	6.805.319.544
09	Giảm các khoản phải thu		17.952.717.861	969.752.591
10	Giảm hàng tồn kho		18.467.273.940	17.607.402.355
11	Giảm các khoản phải trả		(39.413.620.539)	(32.016.116.216)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		4.144.484.468	(3.271.228.479)
14	Tiền lãi vay đã trả		(6.424.052.445)	(5.702.627.852)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	3.843.029.890	-
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	928.274.245
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(69.158.718)	(713.740.777)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(8.933.571.404)	(15.392.964.589)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(829.592.727)	(20.195.630.747)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		2.509.090.909	18.500.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia		756.093.678	323.769.790
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		2.440.591.860	(1.371.860.957)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	19	48.732.090.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	17	138.531.551.306	205.336.796.523
34	Tiền trả nợ gốc vay	17	(189.895.711.992)	(170.669.412.088)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(2.632.070.686)	34.667.384.435

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(9.125.050.230)	17.902.558.889
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		28.283.162.369	10.385.926.449
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.762.275	(5.322.969)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	19.162.874.414	28.283.162.369

Thủy

Hiền



Trần Thị Thủy
Người lập

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng

Võ Duy Đạo
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2021



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5800000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 4 tháng 1 năm 2000 và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 26 ngày 18 tháng 11 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 604/TB-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất đông dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế; xuất nhập khẩu thuốc và dược liệu.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 274 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 320).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập các báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa và thành phẩm - chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 30 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Quyền sử dụng đất	32 - 42 năm
Phần mềm máy tính	5 - 6 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
--------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.11 *Các khoản phải trả và trích trước*

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế cùng một đơn vị chịu thuế.

3.18 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất đồng dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty.

Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về hàng hóa và dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất đồng dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế và một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính này.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	20.956.000	245.212.000
Tiền gửi ngân hàng	3.141.918.414	10.037.950.369
Các khoản tương đương tiền (*)	16.000.000.000	18.000.000.000
TỔNG CỘNG	19.162.874.414	28.283.162.369

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng có thời hạn gốc một tháng và hưởng lãi suất 3%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Indico	4.684.993.627	6.501.409.150
Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng	4.457.821.209	4.541.735.519
Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng II	2.573.297.755	3.612.691.348
Bà Nguyễn Thị Ánh Phượng	2.506.249.862	7.866.000.000
Trung tâm Y tế Di Linh	2.494.773.902	3.955.898.700
Khác	19.750.566.219	26.815.214.129
TỔNG CỘNG	36.467.702.574	53.292.948.846
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.888.509.565)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	33.579.193.009	53.292.948.846

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu khó đòi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	2.888.509.565	-
Số cuối năm	2.888.509.565	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	589.867.455	628.528.669
Khác	68.038.628	345.450.153
TỔNG CỘNG	657.906.083	973.978.822

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	44.616.987.820	37.123.276.551
Nguyên liệu, vật liệu	15.284.830.873	18.765.650.611
Hàng hóa	13.439.336.958	34.896.486.036
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.066.348.767	3.106.703.259
Công cụ, dụng cụ	585.464.651	282.911.518
Hàng mua đang đi đường	93.262.600	313.749.535
Hàng gửi đi bán	67.130.691	131.858.790
TỔNG CỘNG	76.153.362.360	94.620.636.300

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	136.915.682	225.537.152
Khác	263.600.907	374.450.799
	<u>400.516.589</u>	<u>599.987.951</u>
Dài hạn		
Chi phí thuê trả trước	2.306.698.314	2.412.896.038
Chi phí bảo trì và sửa chữa	1.107.336.049	1.474.896.167
Chuyển giao công nghệ	1.086.544.786	2.257.030.489
Công cụ, dụng cụ	970.054.060	3.018.785.476
Chi phí đầu tư ban đầu nhà máy Phú Hội	580.382.863	616.044.859
Khác	237.735.797	454.111.946
	<u>6.288.751.869</u>	<u>10.233.764.975</u>
TỔNG CỘNG	6.689.268.458	10.833.752.926

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	62.112.130.926	92.221.818.987	13.387.601.483	437.983.955	168.159.535.351
Mua mới trong năm	-	-	-	90.472.727	90.472.727
Thanh lý trong năm	-	-	(4.082.454.545)	-	(4.082.454.545)
Số cuối năm	62.112.130.926	92.221.818.987	9.305.146.938	528.456.682	164.167.553.533
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	6.924.813.067	21.467.568.136	3.886.080.211	206.818.500	32.485.279.914
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(23.182.231.990)	(46.524.263.403)	(7.434.539.629)	(290.265.246)	(77.431.300.268)
Khấu hao trong năm	(3.641.945.436)	(7.566.751.754)	(1.082.798.326)	(56.788.237)	(12.348.283.753)
Thanh lý trong năm	-	-	1.258.756.835	-	1.258.756.835
Số cuối năm	(26.824.177.426)	(54.091.015.157)	(7.258.581.120)	(347.053.483)	(88.520.827.186)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	38.929.898.936	45.697.555.584	5.953.061.854	147.718.709	90.728.235.083
Số cuối năm	35.287.953.500	38.130.803.830	2.046.565.818	181.403.199	75.646.726.347
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 17)	26.777.640.299	8.118.335.765	1.062.124.825	-	35.958.100.889

Như được trình bày trong Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị, và phương tiện vận tải để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	VND Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	4.285.284.000	1.664.270.000	5.949.554.000
Mua mới trong năm	-	476.100.000	476.100.000
Số cuối năm	<u>4.285.284.000</u>	<u>2.140.370.000</u>	<u>6.425.654.000</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã hao mòn hết	153.763.777	255.900.000	409.663.777
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(938.354.651)	(751.149.111)	(1.689.503.762)
Hao mòn trong năm	<u>(108.732.180)</u>	<u>(353.927.330)</u>	<u>(462.659.510)</u>
Số cuối năm	<u>(1.047.086.831)</u>	<u>(1.105.076.441)</u>	<u>(2.152.163.272)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>3.346.929.349</u>	<u>913.120.889</u>	<u>4.260.050.238</u>
Số cuối năm	<u>3.238.197.169</u>	<u>1.035.293.559</u>	<u>4.273.490.728</u>
<i>Trong đó:</i>			
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 17)	3.238.197.169	-	3.238.197.169

Như được trình bày trong *Thuyết minh số 17*, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND Nhà cửa và vật kiến trúc
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>1.124.909.177</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	(629.519.767)
Khấu hao trong năm	<u>(44.996.364)</u>
Số cuối năm	<u>(674.516.131)</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>495.389.410</u>
Số cuối năm	<u>450.393.046</u>
<i>Trong đó:</i>	
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 17)	450.393.046

Như được trình bày trong *Thuyết minh số 17*, Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	1.865.967.273	418.581.813
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	44.996.364	85.811.094

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế và giá trị thị trường, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Traphaco	5.134.457.450	5.262.353.964
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC - Chi nhánh Nha Trang	4.092.594.073	1.295.871.104
Khác	31.006.532.053	53.297.896.144
TỔNG CỘNG	40.233.583.576	59.856.121.212

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	2.882.472.963	5.434.095.170	(7.223.602.073)	1.092.966.060
Thuế thu nhập cá nhân	738.309.798	2.483.390.822	(2.901.213.170)	320.487.450
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.802.998.575	40.031.315	(3.843.029.890)	-
Thuế khác	4.473.937	645.802.549	(650.276.486)	-
TỔNG CỘNG	7.428.255.273	8.603.319.856	(14.618.121.619)	1.413.453.510

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bán hàng	1.698.047.309	1.420.725.873
Chi phí mua máy móc và thiết bị	380.100.000	3.224.363.620
Khác	521.070.409	4.736.283.390
TỔNG CỘNG	<u>2.599.217.718</u>	<u>9.381.372.883</u>

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	519.169.560	280.563.560
Trung tâm Khuyến công Tỉnh Lâm Đồng	225.000.000	225.000.000
Cổ tức phải trả	89.663.784	89.663.784
Khác	1.224.747.886	656.771.706
	<u>2.058.581.230</u>	<u>1.251.999.050</u>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	532.500.000	550.000.000
Trung tâm Khuyến công Tỉnh Lâm Đồng	125.000.000	350.000.000
Khác	1.223.230.000	1.223.230.000
	<u>1.880.730.000</u>	<u>2.123.230.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.939.311.230</u>	<u>3.375.229.050</u>



Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Ngắn hạn				VND
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	54.796.323.386	138.531.551.306	(152.827.749.640)	40.500.125.052
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	4.382.962.352	4.907.962.352	(5.567.962.352)	3.722.962.352
Vay từ bên liên quan	30.000.000.000	-	(30.000.000.000)	-
Vay từ một tổ chức khác đến hạn trả	1.500.000.000	-	(1.500.000.000)	-
	90.679.285.738	143.439.513.658	(189.895.711.992)	44.223.087.404
Dài hạn				
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.2)	9.980.412.392	-	(4.907.962.352)	5.072.450.040
TỔNG CỘNG	100.659.698.130	143.439.513.658	(194.803.674.344)	49.295.537.444

17.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Mục đích	Hình thức đảm bảo
	VND		%/năm		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng	40.500.125.052	Từ ngày 27 tháng 5 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021	5,5 - 6,5	Bổ sung vốn lưu động	Nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và quyền sử dụng đất (Thuyết minh số 10, 11 và 12)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

17.2 Vay ngân hàng dài hạn

	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng	<u>8.795.412.392</u>	Từ ngày 8 tháng 1 năm 2021 đến ngày 23 tháng 7 năm 2024	9,5 - 10	Mua sắm máy móc, thiết bị cho nhà máy Phú Hội	Máy móc thiết bị tại nhà máy Phú Hội (Thuyết minh số 10)
Trong đó:					
Vay dài hạn	5.072.450.040				
Nợ dài hạn đến hạn trả	3.722.962.352				

18. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.395.942.217	4.322.028.863
Sử dụng quỹ	(637.807.078)	(926.086.646)
Chuyển tài sản cố định sang phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh (Thuyết minh số 24)	<u>(2.758.135.139)</u>	<u>-</u>
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>3.395.942.217</u>

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lũy kế)	VND
Năm trước:					
Số đầu năm	78.299.580.000	(320.000)	14.079.988.006	(7.579.945.856)	84.799.302.150
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	7.947.466.781	7.947.466.781
Số cuối năm	78.299.580.000	(320.000)	14.079.988.006	367.520.925	92.746.768.931
Năm nay:					
Số đầu năm	78.299.580.000	(320.000)	14.079.988.006	367.520.925	92.746.768.931
Phát hành cổ phiếu (*)	48.732.090.000	-	-	-	48.732.090.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(25.969.378.746)	(25.969.378.746)
Số cuối năm	127.031.670.000	(320.000)	14.079.988.006	(25.601.857.821)	115.509.480.185

(*) Vào ngày 21 tháng 9 năm 2020, Công ty đã phát hành 4.873.209 cổ phiếu mới với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu. Việc phát hành trên được chấp thuận theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Bất thường năm 2020 số 31/2020/NQ-ĐHCB/LDP ngày 10 tháng 2 năm 2020, và theo các Nghị quyết Hội đồng Quản trị có liên quan. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 78.299.580.000 VND lên 127.031.670.000 VND. Vào ngày 14 tháng 10 năm 2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 25, chấp thuận cho việc tăng vốn cổ phần của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	78.299.580.000	78.299.580.000
Tăng trong năm	48.732.090.000	-
Số cuối năm	<u>127.031.670.000</u>	<u>78.299.580.000</u>

19.3 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	
	Số tiền	% sở hữu
	VND	%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	68.481.180.000	53,91
Bà Nguyễn Ánh Kim Trang	42.679.420.000	33,60
Khác	15.871.070.000	12,49
TỔNG CỘNG	<u>127.031.670.000</u>	<u>100,00</u>

19.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	12.703.167	7.829.958
Cổ phiếu đã phát hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.703.167	7.829.958
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(32)	(32)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.703.135	7.829.926

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.5 (Lỗ) lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
(Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế (VND)	(25.969.378.746)	7.947.466.781
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
(Lỗ) lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	(25.969.378.746)	7.947.466.781
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	9.188.033	7.829.926
(Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu và (lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(2.826)	1.015

Không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tàng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng doanh thu	254.828.262.958	381.316.323.299
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	172.267.596.235	235.695.693.982
Doanh thu bán thành phẩm	80.250.641.606	144.980.237.980
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.310.025.117	640.391.337
Hàng bán bị trả lại	(2.034.760.705)	(1.652.617.189)
<i>Trong đó:</i>		
Hàng hóa	(423.964.837)	(959.632.004)
Thành phẩm	(1.610.795.868)	(692.985.185)
Doanh thu thuần	252.793.502.253	379.663.706.110
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	171.843.631.398	234.736.061.978
Doanh thu bán thành phẩm	78.639.845.738	144.287.252.795
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.310.025.117	640.391.337

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn hàng hóa	158.899.831.972	214.164.396.915
Giá vốn thành phẩm	55.989.817.071	88.618.482.315
Giá vốn dịch vụ cung cấp	380.569.004	460.449.549
TỔNG CỘNG	215.270.218.047	303.243.328.779

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.444.386.747	5.951.730.552
Khác	151.080.089	36.919.468
TỔNG CỘNG	<u>6.595.466.836</u>	<u>5.988.650.020</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	20.514.399.450	31.345.181.194
Chi phí marketing và quảng cáo	11.097.796.306	14.404.396.287
Chi phí đi thuê	2.107.348.683	2.695.274.370
Chi phí vận chuyển, bốc vác hàng	928.550.977	1.920.801.608
Chi phí khác	6.839.659.361	10.286.055.256
	<u>41.487.754.777</u>	<u>60.651.708.715</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	9.518.477.666	12.196.952.098
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	2.907.988.629	-
Chi phí khác	7.037.621.734	6.049.195.124
	<u>19.464.088.029</u>	<u>18.246.147.222</u>
TỔNG CỘNG	<u>60.951.842.806</u>	<u>78.897.855.937</u>

24. THU NHẬP KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc chuyển tài sản cố định sang phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh (Thuyết minh số 18)	2.758.135.139	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	19.860.813.842
Khác	539.661.493	113.715.985
TỔNG CỘNG	<u>3.297.796.632</u>	<u>19.974.529.827</u>

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Hàng hóa bán trong năm	158.899.831.972	214.164.396.915
Chi phí nguyên vật liệu	63.334.871.563	93.478.535.850
Chi phí nhân viên	49.322.884.041	64.490.788.394
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.686.998.352	21.362.616.376
Chi phí khấu hao và hao mòn	12.188.924.185	11.117.827.296
Chi phí khác	15.235.078.402	22.815.033.553
TỔNG CỘNG	<u>317.668.588.515</u>	<u>427.429.198.384</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Ngoài ra, đối với dự án Phú Hội, thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20%, Công ty được miễn thuế TNDN cho các hoạt động kinh doanh trong bốn năm (4 năm) tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2015), và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN được áp dụng trong chín năm (9 năm) tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>40.031.315</u>	<u>3.972.162.768</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>(25.929.347.431)</u>	<u>11.919.629.549</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(5.185.869.486)	2.383.925.909
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.454.155.162	1.090.736.786
Thu nhập không tính thuế	(558.863.148)	(50.400.000)
Lỗ thuế	4.387.374.025	547.900.073
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	40.031.315	-
Chênh lệch tạm thời	(96.796.553)	-
Chi phí thuế TNDN	<u>40.031.315</u>	<u>3.972.162.768</u>

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) của Công ty khác với thu nhập (lỗ) được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm năm (5 năm) kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 41.317.164.504 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 19.380.294.382 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2020		Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
			Không được chuyển lỗ	VND	
2018	2023	18.679.847.832 (i)	-	18.679.847.832	
2019	2024	700.446.550 (i)	-	700.446.550	
2020	2025	21.936.870.122 (ii)	-	21.936.870.122	
TỔNG CỘNG		41.317.164.504	-	41.317.164.504	

(i) Lỗ tính thuế theo biên bản thanh tra thuế đến năm 2019.

(ii) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho số lỗ thuế lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 nêu trên do Công ty không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	Công ty mẹ	Trả nợ vay Lãi vay Vay	30.000.000.000 1.463.833.000 -	- 1.029.313.436 30.000.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 17)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	-	30.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Kiểm soát (“BKS”) và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Bà Phạm Thị Xuân Hương	Chủ tịch HĐQT	2.419.905.385	3.006.430.769
Ông Nguyễn Minh Thắng	Thành viên HĐQT	417.992.188	697.264.000
Ông Võ Bình	Phó chủ tịch HĐQT	50.400.000	-
Bà Vũ Thu Mươi	Thành viên HĐQT	50.400.000	-
Các thành viên đã miễn nhiệm	HĐQT	7.200.000	135.000.000
Ông Nguyễn Ái	Trưởng BKS	53.400.000	30.000.000
Ông Vũ Lê Cương	Thành viên BKS	21.000.000	-
Bà Bùi Thị Thanh Hòa	Thành viên BKS	21.000.000	-
Các thành viên đã miễn nhiệm	BKS	81.870.000	583.069.500
Các thành viên đã miễn nhiệm	Tổng Giám đốc	365.056.141	1.180.469.231
Ông Võ Duy Đạo	Phó Tổng Giám đốc	28.333.000	-
Các thành viên đã miễn nhiệm	Phó Tổng Giám đốc	810.182.114	2.350.478.384
TỔNG CỘNG		4.326.738.828	7.982.711.884

28. THUÊ HOẠT ĐỘNG

28.1 Thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.666.806.124	1.214.858.400
Từ 1 đến 5 năm	2.269.516.220	2.081.927.600
Trên 5 năm	2.573.910.691	867.000.000
TỔNG CỘNG	6.510.233.035	4.163.786.000

28.2 Cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	2.136.921.600	2.116.464.000
Từ 1 đến 5 năm	8.094.900.000	8.343.300.000
Trên 5 năm	1.716.000.000	3.300.000.000
TỔNG CỘNG	11.947.821.600	13.759.764.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)	179,35	1.250,55

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty



Trần Thị Thủy
Người lập

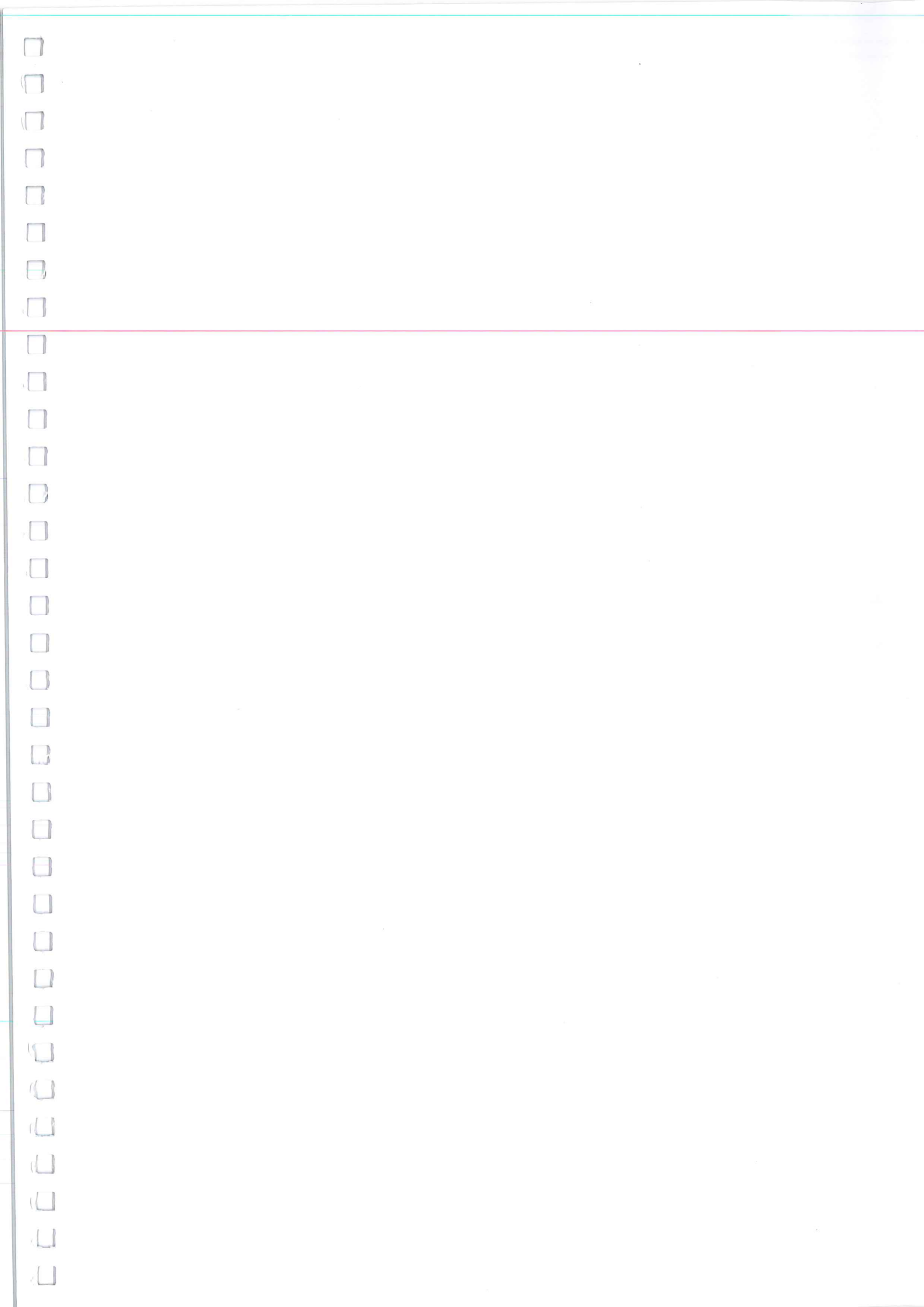




Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng

Võ Duy Đạo
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2021



Số: 78./CV-TCKT/2021
(V/v: Giải trình chênh lệch)

Đà Lạt, ngày 10 tháng 03 năm 2021

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC (SSC)
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX)
- CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Công ty Cổ Phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) xin giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 so với năm 2019 sau khi kiểm toán Báo cáo tài chính:

Nội dung	Báo cáo tài chính năm 2020	Báo cáo tài chính năm 2019
Doanh thu thuần	252.793.502.253	379.663.706.110
Lợi nhuận trước thuế	(25.929.347.431)	11.919.629.549
Thuế thu nhập DN	40.031.315	3.972.162.768
Lợi nhuận sau thuế	(25.969.378.746)	7.947.466.781

Doanh thu giảm 33%, tương ứng mức giảm 126,9 tỷ đồng và Lợi nhuận sau thuế năm 2020 lỗ 25,97 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu do:

- Ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 trong năm 2020 cũng như các quy định nghiêm ngặt về đi lại, điều đó đã làm giảm lượng bệnh nhân đến khám sức khỏe cũng như mua thuốc, từ đó làm giảm mạnh trong doanh thu hàng thương mại. Bên cạnh đó đại dịch cũng ảnh hưởng lớn đến lượng khách du lịch, vốn được xem là nguồn thu lớn cho hàng sản xuất, từ đó làm giảm mạnh trong doanh thu hàng sản xuất;
- Chi phí hoạt động giảm, tuy nhiên do giảm mạnh trong doanh thu làm giảm lợi nhuận gộp toàn Công ty, từ đó tăng khoản lỗ trong năm 2020.

Công ty Cổ Phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) kính trình.

Nơi nhận

- Như trên
- Lưu TCKT

